

Đôi điều bình luận về thể chấp quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật Việt Nam – so sánh với kinh nghiệm nước ngoài

Nguyễn Thị Hồng Nhung*, Huỳnh Ngô Khánh Đoàn, Lương Thị Thanh Hương



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Trong bối cảnh kỷ nguyên số, đổi mới sáng tạo thông qua quyền sở hữu trí tuệ là một yếu tố quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Đối với doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo vừa là tiền đề tạo ra vị thế cạnh tranh, vừa là mục tiêu sản phẩm, nhưng cũng đồng thời là kênh huy động tài chính để giúp doanh nghiệp tạo nguồn vốn hoạt động. Nhằm bắt kịp xu hướng chung của thế giới, đặc biệt thông qua việc dùng quyền sở hữu trí tuệ có được từ hoạt động đổi mới sáng tạo làm tài sản bảo đảm để tìm kiếm nguồn tài chính, thể chấp quyền sở hữu trí tuệ cũng đã được các nhà làm luật Việt Nam quan tâm và luật hóa thông qua các quy định tại Bộ Luật Dân sự năm 2015, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, cùng các nghị định hướng dẫn như Nghị định 21/2021/NĐ-CP liên quan đến thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và Nghị định 76/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. Khung pháp lý đã có, thế nhưng, giao dịch bảo đảm với hình thức thể chấp quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam thực tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn do thiếu các quy định cụ thể và thuận lợi, vì thế có thể hạn chế tiềm năng phát triển của kinh tế sáng tạo, trong khi ở các quốc gia khác, hoạt động này đã diễn ra rất từ lâu và là động lực của nền kinh tế, xã hội. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp nhằm làm rõ các bất cập trong quy định pháp luật Việt Nam về thể chấp quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt liên quan đến các nội dung về định giá quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký thể chấp quyền sở hữu trí tuệ và thể chấp quyền sử dụng, kết hợp với phương pháp so sánh luật học với pháp luật của một số quốc gia khác như Indonesia và Hoa Kỳ, từ đó đưa ra một số đề xuất gợi mở nhằm hoàn thiện chế định này trong pháp luật Việt Nam.

Từ khóa: thể chấp quyền sở hữu trí tuệ, định giá quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký thể chấp, thể chấp quyền sử dụng, Việt Nam

Trường Đại học Kinh tế Luật,
ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Thị Hồng Nhung, Trường Đại học
Kinh tế Luật, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: nhungnth@uel.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 04-02-2025
- Ngày sửa đổi: 27-5-2025
- Ngày chấp nhận: 10-10-2025
- Ngày đăng: 04-11-2025

DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjelm.v9i4.1566>



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp phân tích, so sánh và tổng hợp. Theo đó, phương pháp phân tích được sử dụng để làm rõ nội hàm khái niệm về thể chấp quyền sở hữu trí tuệ, nội hàm các quy định về định giá quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký thể chấp quyền sở hữu trí tuệ và thể chấp quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ theo các quy định tại Bộ Luật Dân sự năm 2015, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, cùng các nghị định hướng dẫn như Nghị định 21/2021/NĐ-CP liên quan đến thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, Nghị định 76/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 được ban hành kèm theo Thông tư 37/2024 của Bộ Tài chính về chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về thẩm định giá tài sản vô hình...

Phương pháp so sánh luật được thực hiện khi để cập pháp luật của các quốc gia khác như Indonesia và Hoa

Kỳ để cho thấy quy định và hoạt động thể chấp quyền sở hữu trí tuệ ở những quốc gia này bắt đầu và phát triển ra sao, từ đó làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề trên. Việc lựa chọn pháp luật hai quốc gia này để so sánh với pháp luật Việt Nam là hợp lý và cần thiết vì Indonesia là quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á với nền văn hóa, xã hội khá tương đồng với Việt Nam, trong khi Hoa Kỳ là một quốc gia rất phát triển về lĩnh vực tài chính cũng như hoạt động sáng tạo.

Phương pháp tổng hợp được sử dụng để đưa ra một số nhận xét và đề xuất gợi mở, hình thành dựa trên sự tổng hợp các kết quả phân tích và so sánh trước đó, nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về thể chấp quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam, hướng tới thúc đẩy thực sự hoạt động này trên thực tế.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Quy định về thể chấp quyền sở hữu trí tuệ là một bước tiến quan trọng và không thể thiếu trong chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo, cũng như tạo động

Trích dẫn bài báo này: Thị Hồng Nhung N, Khánh Đoàn H N, Thị Thanh Hương L. **Đôi điều bình luận về thể chấp quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật Việt Nam – so sánh với kinh nghiệm nước ngoài.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.* 2025; 9(4):6280-6289.

lực phát triển cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam như đã trình bày vẫn còn tồn tại những vướng mắc, khó khăn nhất định trong việc tìm kiếm nguồn tài chính thông qua hoạt động thế chấp quyền sở hữu trí tuệ. Dựa trên kinh nghiệm nước ngoài và các phân tích quy định pháp luật Việt Nam hiện tại, bài viết đưa ra một số gợi mở cho việc hoàn thiện pháp luật về thế chấp quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam liên quan đến định giá quyền sở hữu trí tuệ (xây dựng cơ chế công bố và minh bạch giá quyền sở hữu trí tuệ trên thị trường), đăng ký giao dịch bảo đảm (giao việc đăng ký tài sản bảo đảm là quyền sở hữu trí tuệ về cho các cơ quan quản lý về quyền sở hữu trí tuệ), thế chấp quyền sử dụng quyền sở hữu trí tuệ theo hợp đồng chuyển quyền sử dụng (mở rộng thêm phạm vi thế chấp đối với quyền sở hữu trí tuệ), và cuối cùng là xây dựng luật tích hợp (tích hợp các cơ chế hỗ trợ về đầu tư cho kinh tế sáng tạo vào cùng một văn bản luật trong đó có đề cập đến các vấn đề về hỗ trợ tiếp cận tín dụng bằng quyền sở hữu trí tuệ).

THẢO LUẬN

Khái quát về thế chấp quyền sở hữu trí tuệ

Tại Việt Nam, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022) (sau đây gọi là Luật SHTT) tại Khoản 1 Điều 4 đã đưa ra định nghĩa quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

Bên cạnh đó, luật cũng chỉ ra các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ bằng phương pháp liệt kê. Theo đó, đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa. Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý. Đối tượng quyền đối với giống cây trồng là vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch (Điều 3 Luật SHTT). Theo Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015, tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Một số đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phải được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định mới được Luật SHTT bảo hộ bằng các quyền năng ghi nhận cho chủ sở hữu quyền, chẳng hạn như tác phẩm văn học, nghệ thuật^a, sáng

^a Khoản 7 Điều 4 Luật SHTT: “Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.” Khoản 1 Điều 6 Luật SHTT: “Quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký”.

chế^b, kiểu dáng công nghiệp^c, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn^d, nhãn hiệu^e, vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch (đối với giống cây trồng)^f. Nhưng một số khác thì Luật không đặt ra yêu cầu cụ thể như vậy, chẳng hạn như tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh (khoản 21, 22, 23 Điều 4, Điều 76, 79 và 84 Luật SHTT). Điều này có nghĩa rằng biểu hiện vật chất không phải là thước đo chung của các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ. Ngoài ra, dù phải thỏa mãn yêu cầu cần được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định nào đi chăng nữa thì giá trị của đối tượng quyền sở hữu trí tuệ không phải nằm ở vật chất đó mà là sự sáng tạo được chứa đựng trong vỏ bọc vật chất này.^g Đây chính là đặc điểm vô hình mang tính phổ quát của các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ. Nói cách khác, đối tượng quyền sở hữu trí tuệ không mang đặc tính của vật như định nghĩa về tài sản tại Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015 như đã nêu trên.

Trong khi đó, các quyền sở hữu trí tuệ lại chứa đựng những đặc điểm chung dù cho đối tượng quyền có sự khác nhau. Cụ thể, phần lớn quyền sở hữu trí tuệ đều được cấu thành bởi hai loại quyền cơ bản: quyền nhân thân và quyền tài sản^h.

Không có khái niệm cụ thể về quyền nhân thân và quyền tài sản trong Luật SHTT, tuy nhiên có thể hiểu

^b Khoản 12 Điều 4 Luật SHTT: “Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.”

^c Khoản 13 Điều 4 Luật SHTT: “Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoặc bộ phận để lắp ráp thành sản phẩm phức hợp, được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này và nhìn thấy được trong quá trình khai thác công dụng của sản phẩm hoặc sản phẩm phức hợp”.

^d Khoản 15 Điều 4 Luật SHTT: “Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn (sau đây gọi là thiết kế bố trí) là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn”.

^e Điều 72 Luật SHTT: “Là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc hoặc dấu hiệu âm thanh thể hiện được dưới dạng đồ họa”.

^f Khoản 24, 26, 27 Điều 4 Luật SHTT: “Giống cây trồng là quần thể cây trồng...”; “Vật liệu nhân giống là cây hoặc bộ phận của cây có khả năng phát triển thành một cây mới dùng để nhân giống hoặc để gieo trồng”; “Vật liệu thu hoạch là cây hoặc bộ phận của cây thu được từ việc gieo trồng vật liệu nhân giống”.

^g Chẳng hạn, một tác giả A sáng tạo ra một tác phẩm văn học được in ra thành sách giấy, sách này sau đó được bán ra cho độc giả B. Khi độc giả B mua sách về thì B là chủ sở hữu của quyển sách vật chất đó, nhưng không có quyền tác giả đối với tác phẩm. Tác giả A vẫn giữ quyền tác giả để có thể cho phép một tổ chức C khai thác tác phẩm đó thành tác phẩm phái sinh như chuyển thể thành phim và nhận thù lao từ C. Chủ sở hữu quyển sách vật chất là B thì không có quyền này. Bằng cách này, tác giả A thu được nhiều lợi ích vật chất từ việc khai thác quyền sao chép đối với tác phẩm văn học của mình.

^h Điều này có nghĩa là không phải tất cả tác giả của các sáng tạo đều được ghi nhận quyền nhân thân, mà chỉ có tác giả của một vài loại sáng tạo nhất định mới được Luật SHTT ghi nhận quyền nhân thân, chẳng hạn như quyền tác giả (Điều 19); quyền liên quan (Điều 29); quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí (Điều 122); quyền đối với giống cây trồng (Điều 185). Trong khi đó, quyền tài sản lại được công nhận một cách phổ quát cho các đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

quyền nhân thân là quyền thể hiện sự liên kết giữa cá nhân con người tác giả với tài sản trí tuệ do mình tạo ra (chẳng hạn như quyền đứng tên là tác giả của tác phẩm, quyền được ghi tên là tác giả trong Bảng độc quyền sáng chế, Bảng độc quyền giải pháp hữu ích, Bảng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, Bảng bảo hộ giống cây trồng). Phần lớn quyền nhân thân¹ không được chuyển giao do gắn liền với cá nhân tác giả sáng tạo, do vậy không tạo được lợi ích vật chất cho tác giả. Còn quyền tài sản là quyền lợi vật chất mà tác giả có được từ việc khai thác, chuyển nhượng các quyền năng của chủ sở hữu quyền, hay nói cách khác là quyền nhận thù lao (Điều 20, 29, 30, 31, 122, 185 Luật SHTT). Từ đây có thể suy ra rằng **quyền tài sản trong quyền sở hữu trí tuệ có thể được xem là tài sản, và do vậy có thể là đối tượng của quan hệ thế chấp** (Điều 17 Nghị định 21/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/3/2021 quy định thi hành bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ).

Theo Điều 317 Bộ luật Dân sự năm 2015, thế chấp tài sản là việc một bên (bên thế chấp) dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên kia (bên nhận thế chấp). Do đó, thế chấp quyền sở hữu trí tuệ chính là việc bên thế chấp (chủ thể quyền sở hữu trí tuệ) dùng **tài sản là quyền tài sản trong quyền sở hữu trí tuệ** của mình đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ **để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ** và không giao quyền tài sản cho bên nhận thế chấp. Việc dùng quyền tài sản phát sinh từ quyền sở hữu trí tuệ đối với đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cũng được khẳng định tại Điều 17 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ (sau đây gọi là Nghị định 21/2021/NĐ-CP). Quy định này theo chúng tôi là phù hợp bởi lẽ tự bản thân đối tượng quyền sở hữu trí tuệ không tạo ra được lợi ích vật chất cho tác giả, mà chỉ có quyền được khai thác giá trị sử dụng các đối tượng quyền (quyền tài sản) mới có thể tạo ra được lợi ích vật chất. Do đó, việc thế chấp quyền tài sản sẽ đảm bảo lợi ích cho bên nhận thế chấp, theo hướng nếu bên thế chấp không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong hợp đồng vay, thì bên nhận thế chấp được quyền xử lý tài sản thế chấp (Khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015) bằng các biện pháp luật định, bao gồm nhận

chính quyền tài sản đã thế chấp hoặc chuyển nhượng các quyền tài sản đó cho bên thứ ba để thu hồi nợ (Điều 303 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Tuy nhiên, không phải quyền tài sản nào liên quan đến đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đều có thể dùng làm tài sản bảo đảm. Để được xem là tài sản bảo đảm, phải đáp ứng đủ hai điều kiện: thứ nhất là tài sản đó phải thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm (Điều 317 Bộ luật Dân sự năm 2015), và thứ hai là tài sản đó phải chuyển nhượng được để mang lại giá trị vật chất, tức là tài sản đó phải có giá trị và giá trị đó có thể đo lường được bằng tiền (Điều 17 Nghị định 21/2021/NĐ-CP và Điều 11 Nghị định 76/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ), cũng như bảo đảm cho việc xử lý tài sản thế chấp như đã đề cập ở trên (Điều 303 Bộ luật Dân sự năm 2015). Do đó, trừ trường hợp các bên thỏa thuận phương thức xử lý tài sản thế chấp mà không cần chuyển giao quyền sở hữu, các quyền sở hữu trí tuệ sau đây không thể hoặc chỉ được thế chấp trong những điều kiện nhất định, nhằm tránh khó khăn cho việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bên thế chấp mất khả năng thanh toán nợ đến hạn (Điều 139 Luật SHTT):

Quyền đối với chỉ dẫn địa lý: Không thể sử dụng để thế chấp do tính chất không thể chuyển nhượng.

Quyền đối với tên thương mại: Thế chấp quyền đối với tên thương mại chỉ khả thi khi gắn liền với việc thế chấp toàn bộ cơ sở kinh doanh và các hoạt động kinh doanh liên quan.

Quyền đối với nhãn hiệu: Việc thế chấp chỉ áp dụng khi bên nhận thế chấp đáp ứng điều kiện đối với người có quyền đăng ký nhãn hiệu đó. Và việc chuyển nhượng quyền đối với nhãn hiệu không được gây ra sự nhầm lẫn về đặc tính, nguồn gốc của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

Quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí (hình thành từ nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước): Được thế chấp khi bên nhận thế chấp là tổ chức, cá nhân Việt Nam (thường trú tại Việt Nam) và phải thực hiện nghĩa vụ của tổ chức chủ trì theo quy định luật.

Như vậy, việc ghi nhận thế chấp quyền sở hữu trí tuệ không chỉ giúp mở rộng cơ hội tiếp cận vốn vay của doanh nghiệp, mà còn đặc biệt hữu ích cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, góp phần khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, phát triển và thúc đẩy đổi mới sáng tạo, động lực phát triển của kinh tế, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, cần tuân thủ các điều kiện về hạn chế chuyển nhượng để xác định đúng đối tượng thế chấp phù hợp nhằm bảo đảm quyền lợi cho các bên trong giao dịch bảo đảm.

¹ Ví dụ đối với quyền nhân thân của tác giả được ghi nhận tại Điều 19 Luật SHTT, quyền đứng tên tác phẩm và quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm không được chuyển giao, còn quyền đặt tên tác phẩm và quyền công bố tác phẩm thì có thể chuyển giao (Điều 45, 47 Luật SHTT).

Thực trạng pháp luật Việt Nam về thế chấp quyền sở hữu trí tuệ

Tại Việt Nam, thế chấp quyền sở hữu trí tuệ đã được luật hóa thông qua các quy định tại Bộ Luật Dân sự năm 2015, Luật SHTT, cùng các nghị định hướng dẫn như Nghị định 21/2021/NĐ-CP và Nghị định 76/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2018 (sau đây gọi là Nghị định 76/2018/NĐ-CP).

Tuy nhiên, giao dịch thế chấp quyền sở hữu trí tuệ vẫn còn gặp nhiều khó khăn do còn nhiều bất cập trong các quy định pháp lý^{1, 2}.

Thứ nhất về định giá quyền sở hữu trí tuệ

Vấn đề này không mới vì đã có nhiều ý kiến nghiên cứu liên quan đến nội dung này, tuy nhiên, vẫn cần được bàn luận thêm vì còn nhiều quan điểm trái chiều³.

Thực tiễn tại các tổ chức tín dụng ở Việt Nam trong thời gian qua cho thấy các tổ chức tín dụng thường e ngại nhận thế chấp quyền sở hữu trí tuệ do sự thiếu nhất quán trong phương pháp định giá và sự khác biệt quá nhiều giữa các kết quả thẩm định². Điển hình vụ án liên quan đến "Dự án Mobifone mua 95% cổ phần của AVG"² đã cho thấy nhiều bất cập trong việc áp dụng Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13 ban hành kèm Thông tư số 06/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Cụ thể, trong vụ án này, sự khác biệt lớn trong kết quả thẩm định giá tài sản vô hình của AVG chính là minh chứng cho khó khăn trong định giá quyền sở hữu trí tuệ để tiến hành các giao dịch tài sản này như thế chấp hay chuyển nhượng. Ba đơn vị thẩm định giá, với các phương pháp định giá khác nhau, đã đưa ra kết quả chênh lệch từ 16.565 tỷ đồng đến 33.299 tỷ đồng, mức chênh lệch lên tới hơn 10.000 tỷ đồng về giá trị của AVG bao gồm các quyền sở hữu trí tuệ mà công ty này sở hữu. Thực trạng này không chỉ cản trở việc sử dụng quyền sở hữu trí tuệ làm tài sản bảo đảm tín dụng mà còn dẫn đến việc các tổ chức tín dụng ít chấp nhận quyền sở hữu trí tuệ làm tài sản bảo đảm, gây khó khăn trong việc triển khai thế chấp quyền sở hữu trí tuệ vào thực tiễn³.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng này là do một số bất cập của Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13 có hiệu lực trong thời gian diễn ra vụ việc. Trước tiên là yêu cầu so sánh với ít nhất 3 tài sản vô hình tương tự khi áp dụng cách tiếp cận từ thị trường (điểm 9.1). Trong thực tế, thị trường Việt Nam thiếu dữ liệu giao dịch minh bạch về quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là sáng chế, nhãn hiệu hay bí mật kinh doanh, dẫn đến khó khăn trong việc thu thập đủ thông tin để

đáp ứng yêu cầu này. Ngoài ra, cách tiếp cận từ chi phí (điểm 10.1) thường chỉ tính toán dựa trên chi phí tạo ra hoặc thay thế tài sản trí tuệ, nhưng lại không phản ánh đầy đủ giá trị kinh tế mà tài sản đó có thể mang lại. Điều này đặc biệt rõ ràng với các quyền sở hữu trí tuệ có giá trị thương mại cao nhưng chi phí tạo ra thấp, như những ý tưởng sáng tạo hoặc thương hiệu nổi tiếng. Những vấn đề này làm giảm tính thực tiễn của quy định trong việc định giá quyền sở hữu trí tuệ và đòi hỏi cần có sự điều chỉnh hoặc bổ sung hướng dẫn cụ thể để cải thiện hiệu quả áp dụng.

Hiện nay, các quy định trên đã được thay thế bởi Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 được ban hành kèm theo Thông tư 37/2024 của Bộ Tài chính về chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về thẩm định giá tài sản vô hình¹, có thể dùng để thẩm định giá cho quyền sở hữu trí tuệ, với ba cách tiếp cận khác nhau:

- (i) Cách tiếp cận từ thu nhập (Điều 6 Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam): Xác định giá trị quyền sở hữu trí tuệ thông qua dòng tiền hoặc lợi ích kinh tế dự kiến trong tương lai mà tài sản này mang lại thông qua các phương pháp như: phương pháp tiền sử dụng tài sản vô hình, phương pháp lợi nhuận vượt trội và phương pháp thu nhập tăng thêm.
- (ii) Cách tiếp cận từ chi phí (Điều 16 Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam): Ước tính giá trị tài sản căn cứ vào chi phí thay thế hoặc chi phí tái tạo tài sản;
- (iii) Cách tiếp cận từ thị trường (Điều 18 Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam): So sánh với các tài sản tương tự đã giao dịch trên thị trường.

Các phương pháp này được áp dụng tùy thuộc vào đặc điểm của tài sản, mục đích định giá. Ví dụ, phương pháp thu nhập thường được ưu tiên trong việc định giá quyền sở hữu trí tuệ có tiềm năng tạo ra dòng tiền lớn, như quyền sở hữu trí tuệ đối với một sáng chế hay một nhãn hiệu nổi tiếng⁴. Ngoài ra, quy định cũng không ngăn cấm việc sử dụng kết hợp các phương pháp này khi xác định giá của quyền sở hữu trí tuệ nhằm cho ra kết quả hài hòa nhất có thể.

Điều đáng nói là một số nội dung được cho là bất cập của quy định cũ về định giá quyền sở hữu trí tuệ như liên quan đến cách tiếp cận từ thị trường đã được Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam giải quyết theo hướng rõ ràng hơn, nhưng một số nội dung khác lại quy định theo hướng khái quát hơn, không cụ thể bằng quy định cũ, chẳng hạn như cách tiếp cận từ chi phí.

Cụ thể, cách tiếp cận từ thị trường được áp dụng trong thẩm định giá tài sản vô hình chỉ khi đáp ứng được

¹ Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam này thay thế cho Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13 ban hành kèm Thông tư số 06/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính đã hết hiệu lực thi hành.

đồng thời các điều kiện theo quy định tại Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam^k. Điều này có nghĩa là khi tiến hành thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá hay thẩm định viên về giá không còn được lựa chọn áp dụng phương pháp này theo cách ngẫu hứng, mà phải xem xét liệu các thông tin về giá so sánh đang có trên thị trường có đáp ứng những điều kiện pháp luật quy định để tiến hành đối chiếu hay không. Riêng đối với cách tiếp cận chi phí, Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam chỉ còn ghi nhận 02 điều luật (Điều 16 và 17) về nội dung phương pháp và các yếu tố ước tính giá trị hao mòn của tài sản vô hình, chứ không có các hướng dẫn cụ thể hay công thức để tính toán theo các phương pháp này như ở Điểm 10.4, 10.5 Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13. Điều này có thể dẫn đến hai khả năng đối lập nhau: (i) việc xác định giá dựa trên cách này sẽ tự do hơn, không bị ràng buộc bởi các công thức cứng nhắc và do vậy sẽ cho kết quả định giá phù hợp hơn; hoặc (ii) việc định giá theo cách này cũng sẽ tùy tiện hơn và như vậy giá trị của quyền sở hữu trí tuệ cũng khó xác định hơn.^l

Việc chuẩn mực định giá không đủ rõ ràng sẽ khiến các bên trong giao dịch thế chấp đối mặt rủi ro lớn. Quyền sở hữu trí tuệ có thể bị định giá quá cao, làm tăng chi phí vay^m, hoặc quá thấp, gây thiệt hại khi xử lý tài sản. Điều này khiến cả doanh nghiệp lẫn tổ chức tín dụng dè dặt trong việc sử dụng quyền sở hữu trí tuệ làm tài sản bảo đảm, hạn chế khả năng tiếp cận vốn và cản trở đổi mới sáng tạo.

Thứ hai về đăng ký giao dịch bảo đảm

Việc đăng ký giao dịch bảo đảm, đặc biệt là giao dịch thế chấp quyền sở hữu trí tuệ, được xem là cần thiết và quan trọng để phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba, bảo vệ quyền lợi các bên tham gia và tăng tính minh bạch. Khi được đăng ký, bên nhận bảo đảm có quyền ưu tiên xử lý tài sản khi bên bảo đảm vi phạm nghĩa vụ, đồng thời giúp công khai thông tin, tránh tranh chấp và rủi ro pháp lý.

^k Điều 18 bởi Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam: a) Có thông tin về các giao dịch khách quan, độc lập của ít nhất 03 tài sản so sánh tại hoặc gần thời điểm thẩm định giá nhưng không quá 24 tháng kể từ thời điểm thẩm định giá; b) Có đủ thông tin để điều chỉnh sự khác biệt về định lượng giữa tài sản thẩm định giá và tài sản so sánh, từ đó xác định được mức giá chỉ dẫn; c) Đáp ứng được các yêu cầu khác (ngoài yêu cầu về số lượng tài sản so sánh tối thiểu) nêu tại Chuẩn mực thẩm định giá về cách tiếp cận từ thị trường.

^l Hiện nay, Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam vừa có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 nên việc kiểm chứng sự phù hợp với yêu cầu thực tiễn vẫn chưa có.

^m Giả sử một bằng sáng chế được định giá 10 tỷ đồng, nhưng thị trường thực tế chỉ sẵn sàng trả 05 tỷ đồng trong trường hợp bán đấu giá. Tổ chức tín dụng sẽ lo ngại về khả năng thu hồi vốn nếu doanh nghiệp không trả được nợ, dẫn đến việc áp dụng mức lãi suất cao hơn hoặc các khoản phí như phí thẩm định tài sản hay phí bảo hiểm giá trị tài sản để bù đắp rủi ro, làm tăng tổng chi phí vay của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, với tính chất là một tài sản vô hình, có những đặc điểm khá khác biệt và phức tạp hơn so với những tài sản hữu hình khác dùng làm tài sản thế chấp, nên việc đăng ký giao dịch bảo đảm đối với quyền sở hữu trí tuệ cũng sẽ phức tạp hơn, đòi hỏi cơ quan đăng ký cũng phải có sự hiểu biết mang tính chuyên môn hơn về vấn đề này, cũng như đòi hỏi cơ chế phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành như Cục Sở hữu trí tuệ, Cục Bản quyền tác giả hay Cục Trống trom để xác minh quyền sở hữu. Bên cạnh đó, vì là quyền sở hữu trí tuệ nên vấn đề về bảo mật thông tin sáng tạo cũng phải đặt ra và là vấn đề quan trọng để bảo vệ quyền lợi các bên trong giao dịch bảo đảm. Thế nhưng hiện nay, việc đăng ký giao dịch thế chấp quyền sở hữu trí tuệ đang thuộc thẩm quyền của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản (của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp) theo khoản 5 Điều 10 Nghị định 99/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/11/2022 về đăng ký biện pháp bảo đảm, trong khi một số loại tài sản đặc thù khác như quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tàu bay, tàu biển, chứng khoán lại thuộc về các cơ quan chuyên trách đang quản lý các vấn đề này (Điều 10 Nghị định 99/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/11/2022 về đăng ký biện pháp bảo đảm).

Trên cơ sở đó, việc thiết lập trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm riêng đối với quyền sở hữu trí tuệ theo quan điểm của một số học giả là một gợi ý có thể nghiên cứu thêm⁵. Thế nhưng, theo chúng tôi, ý tưởng trên có lẽ vẫn chưa phù hợp với tình hình của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay do số lượng đăng ký có thể chưa đủ nhiều để dẫn đến việc tạo nên một trung tâm với bộ máy và cơ sở vật chất riêng cho lĩnh vực này. Thay vào đó, nên giao về cho các cơ quan chuyên trách hiện có đang quản lý quyền sở hữu trí tuệ thực hiện nhiệm vụ đăng ký, cung cấp thông tin đối với các giao dịch bảo đảm có đối tượng là quyền sở hữu trí tuệ, giống như các đối tượng tài sản đặc biệt khác đã kể trên, bởi có thể tận dụng được chuyên môn, nhân sự và cơ sở vật chất sẵn có của các cơ quan này.

Thứ ba là thế chấp quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ theo hợp đồng chuyển quyền sử dụng

Vấn đề này được đặt ra do yếu tố đặc trưng vô hình của quyền sở hữu trí tuệ, do vậy việc chuyển nhượng và thế chấp cũng mang những đặc thù nhất định.

Như đã đề cập ở phần lý luận, theo Điều 317 Bộ luật Dân sự năm 2015, thế chấp tài sản là việc một bên (bên thế chấp) dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho

bên kia (bên nhận thế chấp). Như vậy, theo nguyên tắc, bên thế chấp phải có quyền sở hữu đối với tài sản đem đi thế chấp, cụ thể ở đây là chủ sở hữu quyền tài sản. Tuy nhiên, đặc trưng của quyền tài sản phát sinh từ quyền sở hữu trí tuệ là có thể chuyển giao theo hai hình thức: chuyển nhượng quyền sở hữu và chuyển giao quyền sử dụng.

Đối với chuyển nhượng quyền sở hữu, người được chuyển nhượng sẽ trở thành chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ mới đối với đối tượng quyền được chuyển nhượng, và như vậy có đầy đủ quyền năng của chủ sở hữu theo luật định (Điều 45, 138 Luật SHTT). Trường hợp này chủ sở hữu mới hoàn toàn có thể dùng quyền tài sản của mình để làm tài sản thế chấp trong giao dịch bảo đảm.

Còn đối với chuyển quyền sử dụng thì người được chuyển quyền chỉ có quyền sử dụng hoặc được chuyển quyền đó tiếp cho một bên khác tùy theo thỏa thuận trong hợp đồng chuyển quyền ban đầu với chủ sở hữu quyền (tạm gọi là hợp đồng chuyển quyền gốc), không phụ thuộc vào loại hợp đồng chuyển quyền nào được quy định tại Điều 143 của Luật SHTT⁹. Và như vậy, nếu hợp đồng chuyển quyền gốc cho phép người nhận quyền sử dụng có thể tiếp tục chuyển quyền sử dụng cho bên thứ ba bất kỳ thì quyền sử dụng có thể dùng làm tài sản thế chấp. Nói cách khác, bên thế chấp trong trường hợp này chỉ có quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ dựa trên hợp đồng chuyển quyền sử dụng đã ký kết với chủ sở hữu hoặc bên đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng sơ cấp. Do đó, phạm vi thế chấp sẽ bị giới hạn trong phạm vi quyền sử dụng mà bên thế chấp được phép thực hiện theo hợp đồng. Thế nhưng, hiện nay pháp luật chỉ đang dừng lại ở tài sản thế chấp phải thuộc sở hữu của bên thế chấp như đã đề cập ở trên. Điều này có thể làm cho quyền sở hữu trí tuệ kém thu hút hơn các loại tài sản hữu hình khác trong việc tìm kiếm kênh huy động tài chính, ảnh hưởng đến sự thu hút đầu tư để tạo ra các loại sản phẩm trí tuệ này. Hơn nữa, một vấn đề khác cần lưu ý nữa là việc thế chấp cũng cần có sự đồng ý của chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc bên nhận chuyển quyền sử dụng sơ cấp. Bởi lẽ nếu không minh thị, việc xử lý quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức tín dụng có thể gặp phải sự tranh chấp từ chủ sở hữu hoặc các bên có liên quan. Thời hạn sử dụng quyền hay thời hạn bảo hộ quyền cũng là một vấn đề cần quan tâm khi thế

⁹ Theo điều này, có ba loại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp: hợp đồng sử dụng độc quyền, hợp đồng sử dụng không độc quyền và hợp đồng sử dụng thứ cấp. Tuy nhiên, các loại hợp đồng này chỉ thể hiện mối quan hệ giữa chủ sở hữu quyền và bên nhận quyền sử dụng, chứ không có ý nghĩa trong việc phân định có hay không có cho phép việc người nhận quyền được chuyển tiếp quyền sử dụng cho bên thứ ba. Vấn đề này thuộc thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng.

chấp quyền sở hữu trí tuệ. Những vấn đề này chắc chắn sẽ khiến cho các tổ chức tín dụng khá cân nhắc và e dè trong việc nhận tài sản thế chấp là quyền sở hữu trí tuệ.

Kinh nghiệm pháp luật nước ngoài về thế chấp quyền sở hữu trí tuệ

Tại Indonesia, năm 2022, Tổng thống Indonesia Joko Widodo (Jokowi) đã ban hành Quy định số 24/2022 của Chính phủ về Kinh tế sáng tạo⁹ - quy định hướng dẫn chi tiết Luật số 24 năm 2019 về Kinh tế sáng tạo. Quy định này ban hành nhằm mục đích gia tăng giá trị của quyền sở hữu trí tuệ, kích thích động lực cho các tác nhân của nền kinh tế sáng tạo, cho phép tài sản trí tuệ làm tài sản thế chấp.

Tại Quy định này, các quyền sở hữu trí tuệ được dùng làm tài sản thế chấp dựa trên một chương trình tài trợ. Đây là một chương trình sử dụng quyền sở hữu trí tuệ làm đối tượng thế chấp nợ cho các tổ chức tín dụng (bên cho vay) nhằm cung cấp tài chính cho các chủ thể kinh tế sáng tạo (bên vay)¹⁰. Bên cạnh đó, Quy định số 24/2022 cũng đề cập đến những phương pháp mà các bên cho vay trên sử dụng để giám định quyền sở hữu trí tuệ trong trường hợp thế chấp, cụ thể có 03 phương pháp chính xác định tương tự như Việt Nam: phương pháp chi phí; phương pháp thị trường; phương pháp thu nhập⁶.

Ngoài ra, quy định cũng yêu cầu là bên vay phải sở hữu doanh nghiệp kinh tế sáng tạo. Việc sở hữu doanh nghiệp phần nào làm cho bên nhận thế chấp vững tin hơn về giá trị quyền sở hữu trí tuệ, vì tài sản đó được bảo vệ và quản lý bởi một pháp nhân. Hay yêu cầu về giấy chứng nhận sở hữu trí tuệ do cơ quan có thẩm quyền cấp, yêu cầu này giúp đảm bảo về mặt pháp lý, hạn chế tranh chấp tài sản thế chấp.

Về ưu điểm, pháp luật Indonesia đã cụ thể hóa quy trình, hồ sơ cần có cho việc thế chấp quyền sở hữu trí tuệ (Điều 7, 8 Quy định số 24/ 2022 của Chính phủ Indonesia về Kinh tế sáng tạo), phương pháp định giá cũng như quy định tiêu chuẩn cho người thẩm định giá quyền sở hữu trí tuệ. Việc này tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các chủ thể kinh tế sáng tạo tiếp cận vốn vay. Chính vì thế, hiện nay tại Indonesia, xu hướng sử dụng quyền sở hữu trí tuệ làm công cụ huy động tài chính đang ngày càng gia tăng theo thời gian⁷.

⁹Theo khoản 1 Điều 1 Quy định số 24/2022 của Chính phủ Indonesia về Kinh tế sáng tạo, nền kinh tế sáng tạo là giá trị gia tăng từ Sở hữu trí tuệ bắt nguồn từ sự sáng tạo của con người dựa trên di sản văn hóa, khoa học và/hoặc công nghệ.

¹⁰Theo khoản 4 Điều 1 Quy định số 24/ 2022 của Chính phủ Indonesia về Kinh tế sáng tạo, chủ thể kinh tế sáng tạo là cá nhân hoặc nhóm cá nhân là công dân Indonesia, hoặc tổ chức doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoặc không có tư cách pháp nhân, được thành lập theo pháp luật Indonesia và thực hiện các hoạt động kinh tế sáng tạo.

Về hạn chế, mặc dù chủ thể kinh tế sáng tạo có cả cá nhân và pháp nhân nhưng trong quy định lại yêu cầu chủ thể này phải sở hữu một doanh nghiệp kinh tế sáng tạo. Quy định này tạo ra hạn chế về cơ hội được tiếp cận nguồn vốn nhờ vào sản phẩm trí tuệ mà cá nhân tạo ra, nghịch lý đây lại là chủ thể chính của sự sáng tạo.

Tại Hoa Kỳ, pháp luật có những quy định linh hoạt đối với việc thế chấp quyền sở hữu trí tuệ. Đối với các giao dịch tài chính liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ như thế chấp, phải được đăng ký tại các cơ quan chức năng tương ứng với loại quyền sở hữu trí tuệ như United States Patent and Trademark Office (Cục Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ) hoặc Copyright Office (Văn phòng Bản quyền Hoa Kỳ)⁸.

Pháp luật Hoa Kỳ về thế chấp quyền sở hữu trí tuệ đã trải qua quá trình phát triển khá dài, đặc biệt nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hỗ trợ doanh nghiệp. Từ phán quyết trong vụ án *Waterman v. Mackenzie* năm 1891, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã khẳng định vai trò của việc đăng ký giao dịch bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ tại Văn phòng Sáng chế để bảo vệ quyền lợi pháp lý của bên nhận bảo đảm, cũng như công nhận việc sử dụng bằng sáng chế như tài sản bảo đảm trong giao dịch tài chính. Cụ thể, năm 1884, bà *Waterman* đã vay \$6,500 từ *Asa L. Shipman & Son* và thế chấp (“mortgage”) Bằng sáng chế liên quan đến phát minh bút máy của chồng mình bằng cách ký một văn bản chuyển nhượng có điều kiện với bên cho vay. Văn bản này quy định rằng nếu khoản nợ được thanh toán đúng hạn, việc chuyển nhượng sẽ trở nên vô hiệu⁹.

Tuy nhiên, khi ông *Waterman* (người sở hữu ban đầu của bằng sáng chế) kiện một cá nhân vì vi phạm bằng sáng chế, bị đơn lập luận rằng ông không có quyền khởi kiện vì bằng sáng chế đã được thế chấp cho *Asa L. Shipman*. Tại thời điểm vụ kiện xảy ra, bà *Waterman* vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho *Asa L. Shipman*. Tòa án sau đó phán quyết rằng khi một bằng sáng chế được thế chấp và đăng ký tại Văn phòng Bằng sáng chế, toàn bộ quyền sở hữu bằng sáng chế, cả về mặt pháp lý và công bằng, sẽ chuyển sang người nhận thế chấp. Do đó, *Asa L. Shipman* có quyền đứng ra khởi kiện vi phạm bằng sáng chế. Đồng thời, Tòa xác nhận rằng người thế chấp chỉ có thể lấy lại quyền sở hữu nếu hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.

⁹ Theo luật pháp Anh và Hoa Kỳ thời kỳ đầu, Mortgage được coi là sự chuyển giao toàn bộ quyền sở hữu từ người vay sang người cho vay. Người cho vay không chỉ có quyền được thanh toán lãi suất cho khoản nợ mà còn được hưởng tiền thuê và lợi nhuận từ bất động sản⁹. Tuy nhiên, hiện nay, ngữ nghĩa này của Mortgage tại Hoa Kỳ đã không còn phổ biến, thay vào đó được sử dụng như thế chấp (nghĩa là chỉ chuyển giao pháp lý đối với quyền sở hữu tài sản chứ không chuyển giao về mặt vật lý nên người vay vẫn được tiếp tục khai thác trên tài sản đó)¹⁰.

Vụ án này đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong việc công nhận quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là quyền đối với sáng chế, như một tài sản bảo đảm để hỗ trợ tài chính trong thực tiễn, mở đường cho các giao dịch thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ¹¹.

Bên cạnh đó, Đạo luật Thương mại Thống nhất 1962 (UCC)¹², đặc biệt là Điều 9, đã đánh dấu một bước tiến lớn khi loại bỏ các hạn chế truyền thống và đơn giản hóa thủ tục thế chấp. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể tiếp tục sở hữu và khai thác quyền sở hữu trí tuệ, đồng thời đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay¹¹.

Theo quy định tại Điều 9 của UCC, quyền sở hữu trí tuệ có thể được sử dụng làm tài sản bảo đảm trong các giao dịch thế chấp nếu đáp ứng các điều kiện xác định. Cụ thể, quyền sở hữu trí tuệ thuộc nhóm “general intangibles” (tạm dịch là “tài sản vô hình”) theo Điều 28:9-103 UCC, bao gồm bằng sáng chế, bản quyền, nhãn hiệu và bí mật thương mại. Để giao dịch bảo đảm này có hiệu lực, Điều 28:9-203 UCC yêu cầu thỏa thuận bảo đảm phải mô tả rõ ràng quyền sở hữu trí tuệ, bên thế chấp phải có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản này, và nghĩa vụ được bảo đảm phải được nêu rõ, ví dụ như nghĩa vụ trả vay. Quy định từ 28:9-302 đến 28:9-304 UCC, giao dịch thế chấp quyền sở hữu trí tuệ phải được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như Văn phòng Bản quyền Hoa Kỳ hoặc Văn phòng Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ, để đảm bảo tính ưu tiên và hợp pháp của quyền lợi bảo đảm.

Tuy nhiên, pháp luật Hoa Kỳ không chuẩn hóa các tiêu chí định giá quyền sở hữu trí tuệ. Mặc dù vậy, việc định giá được thực hiện bởi các chuyên gia và tiêu chuẩn thẩm định từ các chuyên gia này được cập nhật liên tục từ thị trường thực tế. Điều này giúp kết quả định giá quyền sở hữu trí tuệ chính xác và đáng tin cậy hơn.

KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ CHO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Quy định về thế chấp quyền sở hữu trí tuệ là một bước tiến quan trọng và không thể thiếu trong chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo, cũng như tạo động lực phát triển cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam như đã trình bày vẫn còn tồn tại những vướng mắc, khó khăn nhất định trong việc tìm kiếm nguồn tài chính thông qua hoạt động thế chấp quyền sở hữu trí tuệ. Dựa trên kinh nghiệm nước ngoài và các phân tích quy định pháp luật Việt Nam hiện tại, nhóm tác giả đưa ra một số gợi mở cho việc hoàn thiện pháp luật về thế chấp quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam như sau:

¹² Đạo luật Thương mại Thống nhất (UCC) dù không phải là luật liên bang nhưng được áp dụng thống nhất. UCC đã được áp dụng rộng rãi, chi phối mọi giao dịch thương mại tại Hoa Kỳ¹².

Thứ nhất, về định giá quyền sở hữu trí tuệ. Mặc dù Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam mới được ban hành và áp dụng từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 với hy vọng có thể khắc phục được những hạn chế của quy định cũ, tuy nhiên một số nội dung về phương pháp định giá có thể gây tranh cãi vì còn khá chung chung, trong khi quy định cũ lại cụ thể hơn như đã trình bày. Do vậy, trên cơ sở kinh nghiệm của Hoa Kỳ, Việt Nam cần hướng đến việc xây dựng cơ chế công bố và minh bạch giá quyền sở hữu trí tuệ trên thị trường nhằm tạo nền tảng cho hoạt động thẩm định giá và gây dựng lòng tin cho các nhà đầu tư tài chính về quyền sở hữu trí tuệ. Nội dung bổ sung này có thể được đưa vào Luật SHTT hoặc Luật giá.

Thứ hai, về đăng ký giao dịch bảo đảm. Trên cơ sở phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam và cũng theo kinh nghiệm Hoa Kỳ, pháp luật về giao dịch bảo đảm, cụ thể là Nghị định của Chính phủ, cần giao việc đăng ký tài sản bảo đảm là quyền sở hữu trí tuệ về cho các cơ quan quản lý về quyền sở hữu trí tuệ như Cục Sở hữu trí tuệ, Cục Bản quyền tác giả hay Cục Trống trơn (tùy theo đối tượng quyền sở hữu trí tuệ là gì) nhằm chuyên môn hóa hoạt động này, cũng như bảo vệ bí mật thông tin, bí mật công nghệ của chủ thể quyền.

Thứ ba, về thế chấp quyền sử dụng quyền sở hữu trí tuệ theo hợp đồng chuyển quyền sử dụng. Pháp luật Việt Nam về giao dịch bảo đảm, cụ thể là Bộ luật Dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành về giao dịch bảo đảm, cần mở rộng thêm phạm vi thế chấp đối với quyền sở hữu trí tuệ, theo hướng bên thế chấp có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản này, giống mô hình của Hoa Kỳ. Lẽ dĩ nhiên, bên nhận thế chấp được toàn quyền xem xét khả năng thu hồi vốn và xử lý tài sản thế chấp dựa trên sự phù hợp của quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được thế chấp (chẳng hạn như thời hạn quyền, nội dung quyền, phạm vi quyền, khả năng chuyển giao quyền...), nhưng việc tạo cơ chế bằng cách luật hóa là điều cần thiết để tăng khả năng huy động vốn của quyền sở hữu trí tuệ.

Thứ tư, về xây dựng luật tích hợp. Có thể học hỏi theo mô hình của Indonesia về việc tích hợp các cơ chế hỗ trợ về đầu tư cho kinh tế sáng tạo vào cùng một văn bản luật trong đó có đề cập đến các vấn đề về hỗ trợ tiếp cận tín dụng bằng quyền sở hữu trí tuệ. Hiện nay, Việt Nam đã có Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Nghị định số 38/2018/NĐ-CP của chính phủ ngày 11 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tuy nhiên nội dung về hỗ trợ tiếp cận tín dụng bằng quyền sở hữu trí tuệ chưa được nêu tên và hướng dẫn cụ thể, mà nằm chung với các nội dung khác, cũng như nằm khá rải rác ở nhiều văn bản khác nhau, gây khó khăn cho việc áp dụng.

ABBREVIATIONS

Luật SHTT: Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022)

NĐ-CP: Nghị định Chính phủ

UCC: Uniform Commercial Code (Đạo luật Thương mại Thống nhất của Hoa Kỳ)

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Nhóm tác giả xin cam đoan rằng không có bất kì xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

- Tác giả Nguyễn Thị Hồng Nhung chịu trách nhiệm nội dung: Tóm tắt; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu; khái quát; thực trạng pháp luật Việt Nam; kết luận và gợi mở; biên tập toàn bộ nội dung bài báo.
- Tác giả Huỳnh Ngô Khánh Đoàn chịu trách nhiệm nội dung: Khái quát, thực trạng pháp luật Việt Nam, kinh nghiệm nước ngoài
- Tác giả Lương Thị Thanh Hương chịu trách nhiệm nội dung: Khái quát, thực trạng pháp luật Việt Nam, kinh nghiệm nước ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lan PH. Thế chấp tài sản trí tuệ - Những khía cạnh pháp lý và thực tiễn thi hành. Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam. 2021;63:41–45. Available from: [http://doi.org/10.31276/VJST.63\(10\)](http://doi.org/10.31276/VJST.63(10)).
2. Hoàng TTT. Cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là tài sản trí tuệ - Cơ hội, thách thức cho các ngân hàng thương mại Việt Nam. Tạp chí Khoa học và Đào tạo ngân hàng. 2016;170:46–52.
3. Văn NT, Nghĩa LT. Xác định giá trị tài sản trí tuệ của doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam - Thực tiễn áp dụng nhìn từ một vụ chuyển nhượng điển hình. Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn. 2021;46:23–37.
4. Cần NH. Quản trị tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ. Hà Nội; 2020. Available from: [https://thuongmaihoaplus.org/wp-content/uploads/2021/12/SACH-Quan-tri-TSTT-_Nguyen-Huu-Can-6-2020.pdf;truycl\char"1EA1\relax\char"0302\relax\png\char"00E0\relax\char"27\5/2025](https://thuongmaihoaplus.org/wp-content/uploads/2021/12/SACH-Quan-tri-TSTT-_Nguyen-Huu-Can-6-2020.pdf;truycl\char).
5. Thảo P. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản trí tuệ theo Nghị định 21/2021/NĐ-CP. Tạp chí Điện tử Luật sư Việt Nam. 2021;Available from: [https://lsvn.vn/bao-dam-thuc-hien-nghia-vu-bang-tai-san-tri-tue-theo-nghi-dinh-212021nd-cp1620576929-a103804.html;truycl\char"1EA1\relax\char"0302\relax\png\char"00E0\relax\char"11\01/2025](https://lsvn.vn/bao-dam-thuc-hien-nghia-vu-bang-tai-san-tri-tue-theo-nghi-dinh-212021nd-cp1620576929-a103804.html;truycl\char).
6. Handiriono R, Gunawan S, Karina S, Kamil I. Juridical review reconstruction regulation of copyright as a material guarantee. In: Cirebon Annual Multidisciplinary International Conference (CASIC 2024); 2024. p. 3.
7. Heriyanto DSN, Gultom AM. Intellectual Property as collateral: he Future Indonesian Intellectual Property legal Policy in commercial transactions. Jurnal Jatiswara. 2024;39(2):136–150.
8. Altukhova EV. The Use of Objects of Intellectual Property as Mortgage Tools. 2018;6:39–46.
9. The Free Dictionary by Farlex;Available from: [https://legal-dictionary.thefreedictionary.com/Morgage;truycl\char"1EA1\relax\char"0302\relax\png\char"00E0\relax\char"27\5/2025](https://legal-dictionary.thefreedictionary.com/Morgage;truycl\char).
10. The story of Mortgage Law. Tạp chí Harvard Law Review;5. Available from: <https://www.jstor.org/stable/1321129?seq=5>.

11. Nguyen XT. Financing Innovation: Legal Development of Intellectual Property as Security in Financing. Legal Study Research Paper. 2015;1(48):510–550.
12. Uniform Law Commission. Uniform Commercial Code; Available from: <https://www.uniformlaws.org/acts/ucc#>:

~:text=Summary,the%20interstate%20transaction%20of%20business,truyc{\char"1EA1\relax\char"0302\relax}png\char"00E0\relaxy11/01/2025.



Some comments on mortgage of intellectual property rights under vietnamese law – comparison with foreign experience

Nguyen Thi Hong Nhung*, Huynh Ngo Khanh Doan, Luong Thi Thanh Huong



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

In the digital age, innovation through intellectual property rights is an essential factor in promoting economic, cultural, and social development in the world and in Vietnam. For businesses, innovation is the premise of creating a competitive position and product goal and a channel to mobilize finance to help them create operating capital. In order to keep up with the general trend of the world, primarily through the use of intellectual property rights obtained from innovation activities as collateral to seek financial resources, intellectual property rights mortgage has also been interested by Vietnamese lawmakers and legalized through the provisions of the 2015 Civil Code, the revised 2015 Law on Intellectual Property, and guiding decrees such as Decree 21/2021/ND-CP related to the implementation of the Civil Code on ensuring the performance of obligations and Decree 76/2018/ND-CP detailing and guiding the implementation of several articles of the Law on Technology Transfer. The legal framework is available. However, secured transactions in the form of intellectual property rights mortgages in Vietnam still face many difficulties due to the lack of specific and favorable regulations, thus limiting the development potential of the creative economy, while in other countries, this activity has been taking place for a long time and is the driving force of the economy and society. The article uses the method of analysis and synthesis to clarify the shortcomings in Vietnamese legal regulations on intellectual property rights mortgage, especially related to the contents of intellectual property rights valuation, intellectual property rights mortgage registration, and mortgage of usage rights, combined with the method of comparison with foreign laws in some foreign countries such as Indonesia and the United States, thereby making some proposals to perfect those issues in Vietnamese law.

Key words: intellectual property mortgage, intellectual property valuation, mortgage registration, mortgage of usage rights, Vietnam

University of Economics and Law,
VNU-HCM, Vietnam

Correspondence

Nguyen Thi Hong Nhung, University of Economics and Law, VNU-HCM, Vietnam

Email: nhungnth@uel.edu.vn

History

- Received: 04-02-2025
- Revised: 27-5-2025
- Accepted: 10-10-2025
- Published Online: 04-11-2025

DOI :

<https://doi.org/10.32508/stdjelm.v9i4.1566>



Check for updates

Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Thi Hong Nhung N, Ngo Khanh Doan H, Thi Thanh Huong L. **Some comments on mortgage of intellectual property rights under vietnamese law – comparison with foreign experience.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.* 2025; 9(4):6280-6289.